**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1**

CHỦ ĐỀ 20: **NGÀY TUYỆT VỜI**

**BÀI 4: OĂNG, OAM, OAP**

1. **MỤC TIÊU :**

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái vẽ trong tranh có tên gọi chứa oăng, oam, oap trong mạch chung của chủ đề Ngày tuyệt vời.

2. Nhận diện được vần oăng, oam, oap, tiếng có vần oanh, uynh, uych. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (o), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần oăng, oam, oap

4. Viết được cỡ chữ nhỏ các vần oăng, oam, oap và các tiếng, từ ngữ có các vần oanh, uynh, uych; tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời được câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.

6. Mở rộng hiểu biết về biển.

7. Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực ngôn ngữ; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

8. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.Giáo viên :** Tranh minh họa,thẻ từ, video cần cẩu ngoạm hàng, mẫu chữ có các vần oăng, oam, oap, bảng phụ ghi nội dung cần luyện đọc, phấn.

**2. Học sinh** : SGK, VTV, bút, gôm

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| 1. **Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ**

- Trò chơi: Ô cửa bí mật+ HS chọn ô cửa và đọc nội dung có sau ô cửa đó.- Nội dung các ô cửa: chim vàng oanh, cây khuynh diệp, huých vai và bài đọc: Những ngày ba về phép.- Sau khi HS chọn hết các ô cửa bức tranh của bài học mới sẽ hiện ra. 1. **Khởi động**

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và nêu nội dung tranh. ( Thảo luận nhóm đôi )- GV yêu cầu HS nêu những điều mình quan sát được trong tranh ( gợi mở cho HS nêu được các từ có chứa vần mới).+ Tranh vẽ cảnh gì?+ Các bạn nhìn thấy con gì? + Cái cần cẩu đang làm gì?+ Tiếng sóng vỗ vào mạng thuyền trông như thế nào?- GV giới thiệu bài: oăng, oam, oap1. **Nhận diện vần mới, tiếng có vần mới.**

**3.1. Nhận diện vần mới****a. Nhận diện** oăng- GV cho HS quan sát, phân tích vần oăng- GV hướng dẫn cách đọc: o – ă – ng - oăng- GV nhận xét.**b. Nhận diện vần oam** ( tương tự vần oăng)**c. Nhận diện vần oap** ( tương tự vần oăng)**d. Tìm điểm giống nhau giữa vần oăng, oam, oap**- GV yêu cầu HS so sánh các vần oăng, oam, oap**3.2 Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng, đọc tiếng, từ khóa.**- GV cho HS xem mô hình tiếng hoẵng và cho HS phân tích tiếng hoẵng- GV cho HS đánh vần- Có tiếng hoẵng muốn có từ con hoẵng ta làm thế nào?- GV yêu cầu HS đọc trơn từ khóa.- GV cho HS xem tranh doanh trại.**- GV dẫn dắt HS học từ khóa ngoạm giống như từ khóa con hoẵng.**- GV cho HS xem video cần cẩu ngoạm hàng**- GV dẫn dắt HS học mô hình tiếng oạp và từ khóa vỗ ì oạp giống như tiếng hoẵng và từ khóa con hoẵng.**- GV giải thích từ vỗ ì ạch**4.Tập viết****4.1 Viết vào bảng con:****a. Viết vần oăng và từ con hoẵng*** **Viết vần oăng**

- GV viết mẫu vần oăng và nêu quy trình viết.- Nhắc HS tư thế ngồi viết.- GV cho HS viết bảng con.- GV nhận xét* **Viết từ con hoẵng**

GV viết mẫu từ con hoẵng và nêu quy trình viết.- GV cho HS viết bảng con.- GV nhận xét.**b. Viết vần oam và chữ ngoạm** (HD tương tự viết oăng, con hoẵng)**c. Viết vần oap và từ vỗ ì oạp** (HD tương tự viết oăng, con hoẵng)**4.2 Viết vào vở tập viết:**- GV yêu cầu HS lấy VTV.- GV yêu cầu HS đọc nội dung bài viết.- GV nhận xét vở của 1 vài HS.**5. Hoạt động tiếp nối**- GV gọi HS đọc lại bài.- Nhắc nhở HS chuẩn bị bài học tiết 2.- Nhận xét tiết học.**TIẾT 2****6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn****6.1 Nhận diện, đánh vần, đọc trơn và hiểu nghĩa các từ mở rộng.****-** GV viên cho HS quan sát tranh và giới thiệu các từ mở rộng chứa vần oăng, oam, oap (chạy loăng quăng, râu ria xồm xoàm, ngoáp)- GV cho HS luyện đọc từ theo nhóm.- GV hướng dẫn HS giải thích nghĩa các từ mở rộng và tìm thêm từ có vần oăng, oam, oap- GV nhận xét**6.2 Đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc mở rộng.**- GV đọc mẫu bài đọc- GV cho HS tìm tiếng, từ có chứa vần mới học.- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa và luyện đọc tiếng có âm vần khó - GV hướng dẫn HS nội dung của đoạn, bài.- GV cho HS trả lời câu hỏi:+ Lần đầu ra biển, Doanh cảm thấy thế nào ?+ Doanh thấy những gì ở bến cảng ?- GV nhận xét**7. Hoạt động mở rộng**- GV cho HS đọc câu lệnh+ GV cho HS hoạt động nhóm 4 nói với bạn bài thơ hoặc truyện về biển mà em đã đọc.- GV nhận xét**8. Củng cố, dặn dò** **-** GV cho HS nhận diện lại các tiếng, từ ngữ có oăng, oam, oap- GV hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở giờ tự học; đọc mở rộng.- Chuẩn bị cho tiết học sau ( bài ôn tập và kể chuyện) | - HS tham gia- HS thực hiện.- HS nhận xét- HS nêu- HS trả lời- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng.- HS phát hiện ra vần oăt, uât, uyêt- Vần oai có âm o đứng đầu, âm ă đứng giữa và âm ng đứng cuối.- HS đọc các nhân- Giống nhau: đều có âm o đứng đầu.- Tiếng hoẵng gồm có âm h đứng trước vần oăng đứng sau, dấu ngã trên đầu âm ă- HS đánh vần tiếng đại diện theo mô hình.- Thêm tiếng con trước tiếng hoẵng- HS đọc- HS quan sát.- HS thực hiện - HS quan sát- HS thực hiện- HS lắng nghe và quan sát- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần oăng.- HS viết vào bảng con và nhận xét bài của mình và của bạn. HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ hoẵng- HS viết vào bảng con và nhận xét bài của mình và của bạn.- HS thực hiện- HS thực hiện- HS viết vào vở tập viết.- HS nhận xét bài mình, bài bạn và sửa lỗi nếu có.- HS chọn biểu trưng đánh giá phù hợp cho bài của mình.- HS đọc- HS luyện đọc.-HS giải thích nghĩa các từ mở rộng - HS tìm thêm các từ có chứa vần oăng, oam, oap.- HS nhận xét lẫn nhau.- HS lắng nghe GV đọc mẫu.-Doanh, ngoạm, loăng quăng, oạp.- HS đánh vần chữ có âm vần khó - HS luyện đọc- HS trả lời.- Nói với bạn bài thơ hoặc truyện về biển mà em đã đọc.- HS thảo luận nhóm và trình bày.- HS nhận xét đội bạn- HS lắng nghe và thực hiện |